

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH
KHÍ HÓA LÔNG MIỀN NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 39



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Tấn	Chủ tịch
Ông Vũ Quý Hiệu	Ủy viên
Bà Nguyễn Minh Ngọc	Ủy viên
Ông Vũ Văn Thực	Ủy viên
Ông Hà Anh Tuấn	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Quý Hiệu	Giám đốc
Ông Vũ Văn Thực	Phó Giám đốc
Ông Trần Văn Nghị	Phó Giám đốc
Ông Đào Hữu Thắng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Long	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Quý Hiệu
Giám đốc

Ngày 07 tháng 3 năm 2016

Số: 283 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07 tháng 3 năm 2016, từ trang 4 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) về hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Khúc Thị Lan Anh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 07 tháng 3 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Trọng Thế

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2649-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		739.322.772.343	1.082.969.489.665
I. Tiền	110	5	77.484.066.264	253.900.756.145
1. Tiền	111		77.484.066.264	253.900.756.145
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		515.933.434.363	634.807.260.996
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	447.559.685.864	606.604.527.075
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		18.173.729.341	12.409.744.231
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	50.532.749.458	16.063.442.016
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(332.730.300)	(270.452.326)
III. Hàng tồn kho	140	9	111.122.163.133	147.492.044.089
1. Hàng tồn kho	141		113.169.489.115	149.971.127.484
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.047.325.982)	(2.479.083.395)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.783.108.583	46.769.428.435
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	20.969.904.714	18.451.192.313
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	19	11.901.444.357	28.318.236.122
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	19	1.911.759.512	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.235.614.973.654	1.277.724.231.154
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.902.069.567	20.500.419.567
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	15.902.069.567	20.500.419.567
II. Tài sản cố định	220		525.897.268.469	608.148.979.882
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	440.166.835.175	496.524.434.863
- Nguyên giá	222		1.072.255.847.306	961.805.502.329
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(632.089.012.131)	(465.281.067.466)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	67.464.983.238	93.944.853.925
- Nguyên giá	225		202.905.476.655	228.700.252.298
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(135.440.493.417)	(134.755.398.373)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	18.265.450.056	17.679.691.094
- Nguyên giá	228		21.197.773.639	19.856.973.639
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.932.323.583)	(2.177.282.545)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		63.266.548.109	44.510.330.028
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	63.266.548.109	44.510.330.028
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		382.232.918.080	382.232.918.080
1. Đầu tư vào công ty con	251	15	382.232.918.080	382.232.918.080
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	50.000.000.000	50.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	16	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		248.316.169.429	222.331.583.597
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	239.033.749.188	212.120.921.332
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	9.282.420.241	10.210.662.265
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.974.937.745.997	2.360.693.720.819

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 39 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Phân loại lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.166.511.585.984	1.531.440.960.837
I. Nợ ngắn hạn	310		1.090.673.412.841	1.404.546.836.640
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	731.045.058.047	1.097.008.743.251
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		458.456.759	303.290.416
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	2.046.165.072	1.905.044.305
4. Phải trả người lao động	314		26.079.081.525	14.362.269.320
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	7.518.823.265	7.646.216.242
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	12.892.199.499	9.305.938.880
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	302.679.930.567	269.442.563.175
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.953.698.107	4.572.771.051
II. Nợ dài hạn	330		75.838.173.143	126.894.124.197
1. Phải trả dài hạn khác	337	21	24.612.700.491	25.009.357.627
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	51.225.472.652	101.884.766.570
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		808.426.160.013	829.252.759.982
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	808.426.160.013	829.252.759.982
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	380.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	380.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		45.594.384.212	45.594.384.212
3. Cổ phiếu quỹ	415		(12.061.327)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		229.724.287.083	334.669.027.637
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.119.550.045	68.989.348.133
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.274.088.687	433.796.330
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		31.845.461.358	68.555.551.803
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.974.937.745.997	2.360.693.720.819

Nguyễn Ngọc Dân
Người lập biểuNgô An Hòa
Kế toán trưởngVũ Quý Hiệu
Giám đốc
Ngày 07 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LÔNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.031.495.617.890	5.564.009.551.677
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		49.797.138.517	41.115.133.060
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	3.981.698.479.373	5.522.894.418.617
4. Giá vốn hàng bán	11	28	3.290.271.468.742	4.810.356.353.016
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		691.427.010.631	712.538.065.601
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	75.818.808.998	54.186.288.803
7. Chi phí tài chính	22	32	21.411.274.977	25.861.458.078
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.106.029.100	25.213.535.806
8. Chi phí bán hàng	25	30	531.098.915.503	502.784.138.238
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	79.086.388.406	90.711.349.755
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		135.649.240.743	147.367.408.333
11. Thu nhập khác	31		9.737.054.048	5.172.224.938
12. Chi phí khác	32		2.010.174.365	5.609.814.913
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	33	7.726.879.683	(437.589.975)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		143.376.120.426	146.929.818.358
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	27.963.623.044	36.380.224.381
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	17	928.242.024	(4.711.443.809)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		114.484.255.358	115.261.037.786

nad

Nguyễn Ngọc Dân
Người lập biểu

Ngô An Hòa
Kế toán trưởngVũ Quý Hiệu
Giám đốc

Ngày 07 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé
 Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	143.376.120.426	146.929.818.358
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)	02	171.470.963.684	190.292.318.859
Các khoản dự phòng	03	(369.479.439)	(942.390.252)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	123.462.371	126.188.448
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(77.274.480.310)	(53.597.011.113)
Chi phí lãi vay	06	21.106.029.100	25.213.535.806
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	258.432.615.832	308.022.460.106
Giảm các khoản phải thu	09	162.187.386.702	277.875.521.162
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	38.588.207.716	(2.394.258.822)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả	11	(357.116.303.774)	2.273.896.475
Tăng chi phí trả trước và tài sản khác	12	(19.130.357.362)	(88.777.552.242)
Tiền lãi vay đã trả	14	(22.699.703.823)	(28.447.216.818)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(30.476.608.293)	(37.354.571.457)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(18.919.072.944)	(26.518.608.895)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.866.164.054	404.679.669.509
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(111.770.955.751)	(203.364.592.871)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	1.786.435.636	91.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(80.988.600.000)
4. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	53.127.348.396	54.120.187.993
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(56.857.171.719)	(230.142.004.878)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(12.061.327)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	995.531.000.000	806.844.069.520
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(974.317.967.592)	(900.409.757.515)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(38.634.958.934)	(2.457.841.748)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(112.998.794.000)	(55.936.204.575)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(130.432.781.853)	(151.959.734.318)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(176.423.789.518)	22.577.930.313
Tiền đầu năm	60	253.900.756.145	231.322.825.832
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	7.099.637	-
Tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	77.484.066.264	253.900.756.145

ngd
 Nguyễn Ngọc Dân
 Người lập biểu

nh
 Ngô An Hòa
 Kế toán trưởng

vu
 Vũ Quý Hiệu
 Giám đốc
 Ngày 07 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 39 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305097236 ngày 15 tháng 5 năm 2015 được cấp bởi Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh với vốn điều lệ là 500.000.000.000 đồng. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007397 ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 554 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 577 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là xuất khẩu, nhập khẩu khí dầu mỏ hóa lỏng (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh); mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng, các sản phẩm khí, các vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ cho công tác vận chuyển, tàng trữ, đóng bình và mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (trừ mua bán dầu mỏ khí hóa lỏng tại trụ sở chính Công ty mẹ); xây lắp và tư vấn đầu tư các công trình khí hóa lỏng, các công trình công nghiệp khí; chuyển giao công nghệ, khai thác kinh doanh và bảo dưỡng các công trình liên quan đến khí hóa lỏng; vận chuyển khí hóa lỏng và kinh doanh vận tải hàng hóa bằng container; các dịch vụ liên quan đến khí hóa lỏng và các sản phẩm khí trong lĩnh vực công nghiệp, dân dụng và giao thông vận tải; kinh doanh xăng, dầu nhớt và các chất phụ gia liên quan đến xăng, dầu, nhớt; bán buôn và bán lẻ khí thiên nhiên nén; bán buôn phân bón; kinh doanh bất động sản; dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; sản xuất, chiết nạp, phân phối khí dầu mỏ hóa lỏng và khí thiên nhiên nén; sản xuất thùng chứa kim loại cho khí nén, khí dầu mỏ hóa lỏng và khí đốt; sửa chữa các thùng bể chứa, container bằng kim loại; sơn, duy tu, sửa chữa bồn chứa, bể chứa, đường ống, kho chứa khí dầu mỏ các loại; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; xây dựng và hoàn thiện công trình kỹ thuật dân dụng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có ba công ty con bao gồm Công ty Cổ phần CNG Việt Nam, Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam và Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông. Ngoài ra Công ty có các chi nhánh tại Đồng Nai, Cần Thơ, Tiền Giang, Vĩnh Long, Cà Mau, Nha Trang, Ninh Thuận, Quảng Ngãi, Bình Định, Gia Lai, Đắk Lắk và nhà máy Bình Khí - Dầu Khí Việt Nam.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty. Vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của các công ty con vào báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 04 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản ký quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, và các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế tài chính công ty, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2015</u>
	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 04
Tài sản khác	03 - 04

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LÖNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

	2015
	Số năm
Máy móc, thiết bị	05
Phương tiện vận tải	03 - 06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, thương hiệu và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn. Giá trị thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 09 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ, khoản trả trước tiền thuê đất, thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Phân bổ giá trị vỏ bình gas

Giá trị của vỏ bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 5 năm đến 10 năm. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ giá trị vỏ bình gas đối với các bình gas xuất sử dụng trong năm từ 6 năm lên 10 năm. Ảnh hưởng của sự thay đổi này đến báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày tại Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 21.

Tiền thuê đất, lợi thế sử dụng đất và thuê văn phòng

Tiền thuê đất, lợi thế sử dụng đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí cải tạo văn phòng, giá trị bộ chuyển đổi CNG và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng của các khoản chi phí trả trước dài hạn đó.

Phân bổ khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được

Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vỏ bình gas. Số tiền đặt cọc còn lại chưa phân bổ vào doanh thu được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác trên Bảng cân đối kế toán. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ giá trị vỏ bình gas đối với các bình gas xuất sử dụng trong năm từ 6 năm lên 10 năm. Ảnh hưởng của sự thay đổi này đến báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày tại Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 21.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Công ty được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt	4.738.375.566	4.163.663.040
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	72.745.690.698	219.737.093.105
Tiền đang chuyển	-	30.000.000.000
	77.484.066.264	253.900.756.145

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Các khoản phải thu khách hàng khác	181.315.588.666	224.560.627.328
- Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Thuyết minh số 38)	266.244.097.198	382.043.899.747
	447.559.685.864	606.604.527.075

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
- Ký cược, ký quỹ	8.799.854.651	5.632.780.691
- Phải thu về hợp đồng nhập khẩu ủy thác	5.110.346.213	1.223.904.140
- Phải thu người lao động	4.785.484.127	4.030.936.723
- Phải thu khác	2.402.368.189	1.736.652.475
b. Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan		
- Cổ tức từ Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	22.360.696.278	-
- Chiết khấu hàng LPG từ Tổng Công ty Khí Việt Nam	7.074.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	-	185.856.408
- Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	-	541.726.434
- Phí thương hiệu từ Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	-	2.711.585.145
	50.532.749.458	16.063.442.016
c. Phải thu dài hạn khác		
- Ký cược, ký quỹ	15.902.069.567	20.500.419.567

8. NỢ XẤU

Giá gốc của các khoản nợ xấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 523.848.126 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 270.452.326 đồng). Trong đó, giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 191.117.826 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 0 đồng).

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015 VND		31/12/2014 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	34.970.419.770	-	60.528.262.756	-
Công cụ, dụng cụ	56.589.194.416	-	50.591.623.218	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.721.055.957	-	4.203.819.379	-
Thành phẩm	3.252.583.134	-	50.110.059	-
Hàng hóa	14.636.235.838	2.047.325.982	34.597.312.072	2.479.083.395
	113.169.489.115	2.047.325.982	149.971.127.484	2.479.083.395

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.047.325.982 đồng (năm 2014: 2.479.083.395 đồng) và hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.479.083.395 đồng (năm 2014: 3.580.793.847 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí quảng cáo	8.868.557.332	9.220.916.663
- Chi phí bảo hiểm trả trước	2.915.314.549	2.654.847.787
- Chi phí sơn sửa vỏ bình	1.822.545.067	-
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.995.674.120	2.219.098.758
- Chi phí khác	5.367.813.646	4.356.329.105
	20.969.904.714	18.451.192.313
b) Dài hạn		
- Chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ (1)	89.244.601.683	88.494.966.152
- Trả trước tiền thuê đất và lợi thế sử dụng đất (2)	71.002.799.471	62.483.871.658
- Trả trước thuê văn phòng (3)	42.553.454.933	43.501.670.115
- Bình chứa khí CNG	8.021.377.778	-
- Giá trị bộ chuyển đổi khí CNG	7.396.896.419	7.306.048.564
- Chi phí thuê và cải tạo văn phòng ở Nha Trang	5.602.912.985	6.048.702.920
- Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa máy trạm CNG Mỹ Xuân	6.567.293.615	-
- Dịch vụ mua ngoài trả trước	3.173.480.200	-
- Chi phí cải tạo nội thất văn phòng Lê Duẩn	2.418.654.659	3.260.998.313
- Chi phí trả trước dài hạn khác	3.052.277.445	1.024.663.610
	239.033.749.188	212.120.921.332

(1) Giá trị vỏ bình gas biến động trong năm như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tại ngày đầu năm	88.494.966.152	70.591.372.608
Tăng thêm trong năm	23.040.090.071	51.964.381.521
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(22.105.103.715)	(33.999.719.609)
Thanh lý	(185.350.825)	(61.068.368)
Tại ngày cuối năm	89.244.601.683	88.494.966.152

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ giá trị vỏ bình gas đối với các bình gas xuất dùng trong năm từ 6 năm lên 10 năm như trình bày tại Thuyết minh số 4. Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng thời gian phân bổ mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng vỏ bình gas của Công ty. Nếu thời gian phân bổ trước đây (6 năm) được tiếp tục sử dụng, chi phí phân bổ giá trị vỏ bình gas trong năm 2015 sẽ tăng với số tiền là 8.611.022.008 đồng. Theo đó, lợi nhuận trước thuế năm 2015 của Công ty sẽ giảm với số tiền tương ứng.

(2) Tiền thuê đất trả trước bao gồm:

- Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phản ánh số tiền thuê 6.675 m² trả trước cho Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam với thời hạn thuê là 43,6 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2008.

- Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Trà Nóc 2, thành phố Cần Thơ phản ánh số tiền thuê 30.000 m² trả trước cho Công ty Xây dựng Hạ tầng Khu Công nghiệp Cần Thơ với thời hạn thuê là 35 năm kể từ năm 2009 đến năm 2044.

- Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai phản ánh số tiền thuê 17.000 m² với thời hạn thuê là 39,9 năm từ ngày 20 tháng 11 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

- Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phản ánh số tiền thuê 10.000 m² trả trước cho Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam với thời hạn thuê là 37,6 năm kể từ ngày 19 tháng 11 năm 2014.
 - Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai phản ánh số tiền thuê 12.011,475 m² trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex - Tân Tạo với thời hạn thuê là 39,3 năm từ ngày 30 tháng 6 năm 2014.
 - Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Nhơn Hội, tỉnh Bình Định phản ánh số tiền thuê 10.098 m² trả trước cho Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Sài Gòn Nhơn Hội với thời hạn thuê là 45 năm từ ngày 18 tháng 3 năm 2011 đến ngày 21 tháng 6 năm 2056.
- (3) Tiền thuê văn phòng trả trước phản ánh số tiền thuê 670,02 m² được trả trước 50 năm cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với thời hạn thuê là 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	326.373.510.028	615.230.910.632	16.406.345.784	2.546.368.741	1.248.367.144	961.805.502.329
Tăng trong năm	2.102.548.746	7.987.352.702	628.181.818	629.884.092	-	11.347.967.358
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	40.104.691.870	14.286.569.693	-	-	-	54.391.261.563
Chuyển từ Tài sản cố định thuê tài chính	-	47.933.998.993	-	-	-	47.933.998.993
Thanh lý	-	-	(2.980.585.556)	(215.397.381)	-	(3.195.982.937)
Giảm khác	-	-	-	(26.900.000)	-	(26.900.000)
Tại ngày 31/12/2015	368.580.750.644	685.438.832.020	14.053.942.046	2.933.955.452	1.248.367.144	1.072.255.847.306
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	102.200.510.152	348.228.775.484	12.423.783.922	1.364.901.533	1.063.096.375	465.281.067.466
Khấu hao trong năm	16.434.904.225	103.804.592.933	1.242.174.312	491.648.420	123.508.719	122.096.828.609
Chuyển từ Tài sản cố định thuê tài chính	-	47.933.998.993	-	-	-	47.933.998.993
Thanh lý	-	-	(2.980.585.556)	(215.397.381)	-	(3.195.982.937)
Giảm khác	-	-	-	(26.900.000)	-	(26.900.000)
Tại ngày 31/12/2015	118.635.414.377	499.967.367.410	10.685.372.678	1.614.252.572	1.186.605.094	632.089.012.131
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2015	249.945.336.267	185.471.464.610	3.368.569.368	1.319.702.880	61.762.050	440.166.835.175
Tại ngày 31/12/2014	224.172.999.876	267.002.135.148	3.982.561.862	1.181.467.208	185.270.769	496.524.434.863

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 273.476.603.527 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 46.759.984.502 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 23, Công ty đã thế chấp nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 91.161.468.251 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 123.011.895.611 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	227.179.017.298	1.521.235.000	228.700.252.298
Thuê tài chính trong năm	22.139.223.350	-	22.139.223.350
Chuyển sang Tài sản cố định	(47.933.998.993)	-	(47.933.998.993)
Tại ngày 31/12/2015	201.384.241.655	1.521.235.000	202.905.476.655
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	133.234.163.373	1.521.235.000	134.755.398.373
Khấu hao trong năm	48.619.094.037	-	48.619.094.037
Chuyển sang Tài sản cố định	(47.933.998.993)	-	(47.933.998.993)
Tại ngày 31/12/2015	133.919.258.417	1.521.235.000	135.440.493.417
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	67.464.983.238	-	67.464.983.238
Tại ngày 31/12/2014	93.944.853.925	-	93.944.853.925

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định thuê tài chính của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 1.521.235.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.521.235.000 đồng).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	18.265.372.678	1.464.370.376	127.230.585	19.856.973.639
Tăng trong năm	-	-	140.800.000	140.800.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	1.200.000.000	1.200.000.000
Tại ngày 31/12/2015	18.265.372.678	1.464.370.376	1.468.030.585	21.197.773.639
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	1.320.053.703	729.998.257	127.230.585	2.177.282.545
Khấu hao trong năm	343.355.441	162.707.820	248.977.777	755.041.038
Tại ngày 31/12/2015	1.663.409.144	892.706.077	376.208.362	2.932.323.583
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2015	16.601.963.534	571.664.299	1.091.822.223	18.265.450.056
Tại ngày 31/12/2014	16.945.318.975	734.372.119	-	17.679.691.094

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 127.230.585 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 127.230.585 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Dự án Samsung CE Complex	47.875.196.447	-
- Di dời nhà máy Bình Khi	8.550.117.201	39.186.072.811
- Trạm chiết nạp LPG Cần Thơ	2.968.057.217	2.968.057.217
- Công trình khác	3.873.177.244	2.356.200.000
	63.266.548.109	44.510.330.028

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	31/12/2015 VND	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Vũng Tàu	55,20%	55,20%	137.748.402.000	Kinh doanh khí CNG
Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam	Đồng Nai	100%	100%	144.484.516.080	Kinh doanh khí hóa lỏng
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	100.000.000.000	Kinh doanh khí hóa lỏng
				382.232.918.080	

Ngày 26 tháng 01 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 18/NQ-KMN về việc thoái toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần CNG Việt Nam. Thời gian dự kiến thực hiện là trước ngày 30 tháng 4 năm 2016.

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny	50.000.000.000	50.000.000.000

Thông tin chi tiết về Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny	Long An	14%	14%	Cho thuê kho LPG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã lập dự phòng giảm giá 100% cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny dựa trên tình hình hoạt động thực tế của công ty này. Chi tiết như sau:

	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn VND
Tại ngày 31/12/2014 và ngày 31/12/2015	50.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	9.282.420.241	10.210.662.265
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	9.282.420.241	10.210.662.265
		Các khoản dự phòng VND
Tại ngày 01/01/2015		10.210.662.265
Ghi nhận trong năm		(928.242.024)
Tại ngày 31/12/2015		9.282.420.241

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015 VND		31/12/2014 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- Phải trả cho các đối tượng khác	62.870.460.824	62.870.460.824	23.574.973.738	23.574.973.738
- Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 38)	668.174.597.223	668.174.597.223	1.073.433.769.513	1.073.433.769.513
	731.045.058.047	731.045.058.047	1.097.008.743.251	1.097.008.743.251

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.336.166.555	319.341.993
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	601.225.737
Thuế thu nhập cá nhân	527.030.009	458.971.269
Thuế nhà thầu	-	525.505.306
Thuế khác	182.968.508	-
	2.046.165.072	1.905.044.305

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	31/12/2014 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã khấu trừ/nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	28.318.236.122	577.415.176.887	593.831.968.652	11.901.444.357
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	319.341.993	20.884.261.836	(19.867.437.274)	1.336.166.555
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	7.228.130.315	(7.228.130.315)	-
Thuế nhập khẩu	-	2.150.798.553	(2.150.798.553)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	601.225.737	27.963.623.044	(30.476.608.293)	(1.911.759.512)
Thuế thu nhập cá nhân	458.971.269	4.038.754.149	(3.970.695.409)	527.030.009
Thuế nhà thầu	525.505.306	660.423.789	(1.185.929.095)	-
Thuế khác	-	240.704.122	(57.735.614)	182.968.508
Tổng cộng	1.905.044.305	63.166.695.808	(64.937.334.553)	134.405.560

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Lãi vay	458.798.745	2.052.473.468
Các khoản chi phí trích trước khác	7.060.024.520	5.593.742.774
	7.518.823.265	7.646.216.242

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
a. Phải trả ngắn hạn khác		
- Chiết khấu bán hàng	2.854.989.875	4.841.772.458
- Kinh phí công đoàn	326.636.935	376.245.484
- Bảo hiểm y tế	5.242.166	825.293
- Bảo hiểm thất nghiệp	6.717.727	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	181.317.400	-
- Hàng LPG vay trả	2.748.889.590	-
- Thuế thu nhập cá nhân phải trả từ cổ tức	3.248.503.535	1.527.989.612
- Các khoản khác	3.519.902.271	2.559.106.033
	12.892.199.499	9.305.938.880
b. Phải trả dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	24.612.700.491	25.009.357.627
	24.612.700.491	25.009.357.627

(*) Thể hiện số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Biến động về khoản tiền ký cược vỏ bình gas nhận được trong năm như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tại ngày đầu năm	25.009.357.627	23.907.771.735
Tăng thêm trong năm	8.607.275.000	14.612.278.208
Kết chuyển vào doanh thu	(8.650.754.842)	(13.016.396.982)
Thanh lý hợp đồng ký cược vỏ bình gas với khách hàng	(353.177.294)	(462.260.000)
Kết chuyển vào thu nhập khác	-	(32.035.334)
Tại ngày cuối năm	24.612.700.491	25.009.357.627

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng của Công ty từ 6 lên 10 năm, tương ứng với sự thay đổi về thời gian phân bổ giá trị vỏ bình gas (xem Thuyết minh số 10). Nếu thời gian phân bổ trước đây (6 năm) được tiếp tục sử dụng, doanh thu từ phân bổ số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng của Công ty trong năm 2015 sẽ tăng với số tiền là 1.196.008.654 đồng. Theo đó, lợi nhuận trước thuế năm 2015 của Công ty sẽ tăng với số tiền tương ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND		Trong năm		31/12/2014 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (1)	183.000.000.000	183.000.000.000	620.000.000.000	507.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn (2)	50.000.000.000	50.000.000.000	330.000.000.000	330.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Nghé (3)	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	-	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Taipei Fubon - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 23)	25.001.300.924	25.001.300.924	23.924.377.848	80.317.967.592	81.394.890.668	81.394.890.668
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 23)	27.678.629.643	27.678.629.643	28.265.916.070	38.634.958.934	38.047.672.507	38.047.672.507
Tổng cộng	302.679.930.567	302.679.930.567	1.046.190.293.918	1.012.952.926.526	269.442.563.175	269.442.563.175

- (1) Thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 02/CV-0147/KH/12NH ngày 18 tháng 02 năm 2014 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung của hợp đồng cho vay theo hạn mức số 03/HĐSĐBS-02/CV-07/KH/12NH để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này có thể được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 200.000.000.000 đồng. Thời hạn rút vốn đến hết ngày 31 tháng 8 năm 2016. Thời hạn cho vay đối với từng khoản vay cụ thể được thể hiện trên từng khế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay đối với từng khoản vay cụ thể được thể hiện trên khế ước nhận nợ và biến động theo lãi suất thị trường. Lãi vay được trả hàng tháng, nợ gốc được thanh toán một lần khi đến hạn.
- (2) Thể hiện khoản vay tín chấp từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2015 - HĐTDHM/NHCT948 - PGS ngày 01 tháng 01 năm 2015 cho mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này có thể được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 200.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng đến hết ngày 15 tháng 4 năm 2016. Thời hạn cho vay đối với từng khoản vay cụ thể được thể hiện trên từng khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 03 tháng. Lãi suất cho vay đối với từng khoản vay cụ thể được thể hiện trên khế ước nhận nợ và biến động theo lãi suất thị trường. Lãi vay được trả hàng tháng, nợ gốc được thanh toán một lần khi đến hạn.
- (3) Thể hiện khoản vay tín chấp từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Nghé theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 50/2015/600315 ngày 31 tháng 7 năm 2015 cho mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này có thể được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 200.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2016. Thời hạn cho vay đối với từng khoản vay cụ thể được thể hiện trên từng khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 03 tháng. Lãi suất cho vay đối với từng khoản vay cụ thể được thể hiện trên khế ước nhận nợ và biến động theo lãi suất thị trường. Lãi vay được trả hàng tháng, nợ gốc được thanh toán một lần khi đến hạn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2015 VND		Trong năm		31/12/2014 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	52.296.443.076	52.296.443.076	-	18.727.956.924	71.024.400.000	71.024.400.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	-	-	-	46.666.666.668	46.666.666.668	46.666.666.668
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	12.546.688.000	12.546.688.000	-	6.273.344.000	18.820.032.000	18.820.032.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	-	-	-	8.650.000.000	8.650.000.000	8.650.000.000
Tổng các khoản vay dài hạn	64.843.131.076	64.843.131.076	-	80.317.967.592	145.161.098.668	145.161.098.668
Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Việt Nam	24.731.519.701	24.731.519.701	-	15.458.242.889	40.189.762.590	40.189.762.590
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	10.207.314.563	10.207.314.563	-	11.145.122.400	21.352.436.963	21.352.436.963
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu	-	-	-	8.643.494.799	8.643.494.799	8.643.494.799
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	4.123.437.879	4.123.437.879	1.531.000.000	3.388.098.846	5.980.536.725	5.980.536.725
Tổng các khoản nợ dài hạn	39.062.272.143	39.062.272.143	1.531.000.000	38.634.958.934	76.166.231.077	76.166.231.077
Trong đó:						
- Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22)	(25.001.300.924)				(81.394.890.668)	
- Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22)	(27.678.629.643)				(38.047.672.507)	
Tổng cộng	51.225.472.652				101.884.766.570	

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Vay dài hạn**

Vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 64.843.131.076 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân Đội với số gốc vay là 145.161.098.668 đồng). Các khoản vay này có thời hạn từ 3 đến 5 năm và chịu lãi suất lãi tiền vay từ 6,83% đến 7,18%/năm. Các khoản vay này được sử dụng để tài trợ dự án di dời Nhà máy Bình khí Dầu khí, các bồn chứa khí. Các khoản vay này được thế chấp bằng máy móc, thiết bị, quyền sử dụng đất tại Nhà máy Bình Khí Dầu khí của Công ty (xem Thuyết minh số 11).

Nợ dài hạn

Nợ dài hạn bao gồm các khoản nợ thuê tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín, Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease, có thời hạn thuê từ 3 đến 5 năm. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam chịu lãi suất cho thuê từ 8,09% đến 9,00%/năm. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín chịu lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng theo niêm yết của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Sài Gòn Thương Tín cộng với 4,5% đến 5%/năm và được điều chỉnh 6 tháng/lần. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease chịu lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng theo niêm yết của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam cộng với 4%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	25.001.300.924	81.394.890.668
Trong năm thứ hai	25.001.300.924	26.078.224.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	14.840.529.228	37.687.984.000
	64.843.131.076	145.161.098.668
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở Thuyết minh số 22 phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	(25.001.300.924)	(81.394.890.668)
Số phải trả sau 12 tháng	39.841.830.152	63.766.208.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả do thuê tài chính				
Trong vòng một năm	30.016.763.059	43.361.844.310	27.678.629.643	38.047.672.507
Trong năm thứ hai	9.685.314.181	29.520.934.955	9.083.576.871	27.176.038.014
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.337.173.138	11.579.233.074	2.300.065.629	10.942.520.556
	42.039.250.378	84.462.012.339	39.062.272.143	76.166.231.077
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(2.976.978.235)	(8.295.781.262)	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	39.062.272.143	76.166.231.077	39.062.272.143	76.166.231.077
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)			(27.678.629.643)	(38.047.672.507)
Số phải trả sau 12 tháng			11.383.642.500	38.118.558.570

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2015	31/12/2014
Được phép phát hành và đã góp đủ vốn		
Số lượng (cổ phần)	50.000.000	38.000.000
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	500.000.000.000	380.000.000.000
Cổ phiếu	31/12/2015	31/12/2014
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	38.000.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	1.206	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	49.998.794	38.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết vốn góp của các cổ đông tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Tên cổ đông	31/12/2015		31/12/2014	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	176.303.800.000	35,26%	134.000.000.000	35,26%
Halley Sicav - Halley Asian Prosperity	47.316.510.000	9,46%	35.963.000.000	9,46%
Các cổ đông khác	276.379.690.000	55,28%	210.037.000.000	55,28%
	500.000.000.000	100%	380.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	380.000.000.000	45.594.384.212	-	221.978.771.534	31.582.216.577	114.765.835.856	-	793.921.208.179
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	115.261.037.786	115.261.037.786
Phân phối quỹ	-	-	-	76.220.000.000	4.888.039.526	(57.008.039.526)	(24.100.000.000)	-
Áp dụng Thông tư số 200/2014-TT-BTC	-	-	-	36.470.256.103	(36.470.256.103)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(22.305.481.681)	(22.305.481.681)
Trích Quỹ thưởng HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành	-	-	-	-	-	(324.000.000)	(300.004.302)	(624.004.302)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(57.000.000.000)	-	(57.000.000.000)
Chuyển từ LNCPP năm nay sang LNCPP lũy kế đến cuối năm trước	-	-	-	-	-	68.555.551.803	(68.555.551.803)	-
Tại ngày 31/12/2014	380.000.000.000	45.594.384.212	-	334.669.027.637	-	68.989.348.133	-	829.252.759.982
Tăng vốn trong năm (3)	120.000.000.000	-	-	(120.000.000.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	114.484.255.358	114.484.255.358
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(12.061.327)	-	-	-	-	(12.061.327)
Phân phối quỹ (1)	-	-	-	15.055.259.446	-	(4.715.259.446)	(10.340.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1)	-	-	-	-	-	-	(22.000.000.000)	(22.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Chia cổ tức (2)	-	-	-	-	-	(63.000.000.000)	(49.998.794.000)	(112.998.794.000)
Tại ngày 31/12/2015	500.000.000.000	45.594.384.212	(12.061.327)	229.724.287.083	-	1.274.088.687	31.845.461.358	808.426.160.013

- (1) Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2014 và năm 2015 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

- (2) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã công bố chia cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2014 là 63.000.000.000 đồng. Theo Nghị quyết số 17/NQ-KMN ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng Quản trị, Công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%/ cổ phiếu là 49.998.794.000. Trong năm, Công ty đã chi trả 112.998.794.000 đồng tiền cổ tức.
- (3) Trong năm, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ Quỹ đầu tư phát triển theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2015 cho các cổ đông hiện hữu với số lượng cổ phần phát hành thêm là 12.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần tương đương với 120.000.000.000 đồng theo tỷ lệ 1:0,3158. Số cổ phiếu này đã được niêm yết bổ sung theo Quyết định số 383/TB-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 15 tháng 4 năm 2015.

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015	31/12/2014
1. Hàng hóa nhận giữ hộ (Khí hóa lỏng - VND)	6.237.150.000	7.148.268.160
2. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	63.439,00	6.814,13
- Euro (EUR)	947,00	945,27

26. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh khí LPG và khí CNG. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là kinh doanh xăng, dầu, nhớt, sản xuất và kinh doanh vỏ bình gas, cung cấp dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa bình gas, cho thuê kho. Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu (2015 là 1,3%, 2014 là 2,9%). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh số 27 và số 28. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

27. DOANH THU

	2015 VND	2014 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó		
- Doanh thu khí hóa lỏng	2.942.720.240.551	4.102.576.628.356
- Doanh thu khí CNG	916.837.824.691	1.286.269.200.433
- Doanh thu bán bình khí	113.986.968.273	117.141.864.411
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.238.472.123	41.085.285.631
- Doanh thu từ tiền đặt cọc bình gas	9.003.932.136	13.478.656.982
- Doanh thu từ bán phế liệu	3.564.863.637	3.417.824.337
- Doanh thu xăng dầu nhớt	143.316.479	40.091.527
Tổng cộng	4.031.495.617.890	5.564.009.551.677
Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 38)	2.017.326.846.946	2.949.575.831.682
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	49.797.138.517	41.115.133.060
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.981.698.479.373	5.522.894.418.617

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	2015 VND	2014 VND
Giá vốn kinh doanh khí hóa lỏng	2.697.122.263.412	3.903.392.769.968
Giá vốn kinh doanh khí CNG	439.404.268.415	744.956.584.391
Giá vốn bình khí	108.423.589.714	113.160.617.052
Giá vốn cung cấp dịch vụ	19.725.027.499	11.950.412.045
Phân bổ vỏ bình gas	22.105.103.715	33.999.719.609
Giá vốn bán phế liệu	3.348.212.497	2.859.250.424
Giá vốn kinh doanh xăng dầu nhớt	143.003.490	36.999.527
	3.290.271.468.742	4.810.356.353.016

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	137.934.322.417	149.244.642.940
Chi phí nhân công	116.297.510.935	103.243.738.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	171.470.963.684	190.292.318.859
Chi phí dịch vụ mua ngoài	306.759.581.692	308.249.061.402
Chi phí khác bằng tiền	29.112.110.281	15.286.303.340
	761.574.489.009	766.316.065.041

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015 VND	2014 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí lương	16.666.080.658	17.882.766.322
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	62.420.307.748	72.828.583.433
	79.086.388.406	90.711.349.755
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí khấu hao	162.716.278.313	182.695.288.948
- Các khoản chi phí bán hàng khác	192.564.397.252	164.689.491.035
- Chi phí lương	98.061.506.281	77.263.335.631
- Chi phí vận chuyển khí LPG và CNG	77.756.733.657	78.136.022.624
	531.098.915.503	502.784.138.238

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Cổ tức được chia	74.521.315.000	52.164.370.500
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	966.729.674	1.955.817.493
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	327.264.324	66.100.810
Doanh thu tài chính khác	3.500.000	-
	75.818.808.998	54.186.288.803

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền vay	21.106.029.100	25.213.535.806
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	90.295.921	408.329.513
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	123.462.371	126.188.448
Chi phí hoạt động tài chính khác	91.487.585	113.404.311
	21.411.274.977	25.861.458.078

33. LỢI NHUẬN KHÁC

	2015 VND	2014 VND
Phí quản lý kho Dung Quất	4.797.820.992	4.031.782.332
Lợi nhuận thuần từ thanh lý tài sản cố định	1.611.435.213	-
Khác	3.327.797.843	1.140.442.606
Thu nhập khác	9.737.054.048	5.172.224.938
Lỗ thuần từ thanh lý tài sản cố định	-	2.339.816.474
Khác	2.010.174.365	3.269.998.439
Chi phí khác	2.010.174.365	5.609.814.913
Lợi nhuận/(lỗ) khác	7.726.879.683	(437.589.975)

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	27.963.623.044	36.380.224.381
	27.963.623.044	36.380.224.381

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế. Theo Giấy chứng nhận đầu tư cho hoạt động kinh doanh khí CNG hiệu chỉnh số 49221000148 ngày 06 tháng 6 năm 2011, hoạt động kinh doanh khí CNG được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp một năm và giảm 50% cho bốn năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế. Công ty đã đăng ký với cơ quan thuế năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế là năm 2010 để được hưởng ưu đãi miễn thuế cho năm 2010. Theo đó, năm 2014 được xem là năm thứ năm hoạt động kinh doanh khí CNG có thu nhập chịu thuế (năm thứ tư được miễn giảm 50%). Từ năm 2015, Công ty nộp thuế theo thuế suất 22%.

35. CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các cam kết chi tiêu vốn cho việc mua máy móc và xây dựng nhà máy Bình khí với giá trị là 6.328.926.988 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***36. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm:

	2015 VND	2014 VND
Thuê văn phòng và đất đai	2.992.488.450	2.258.676.910
Thuê xe	1.776.000.000	1.915.294.814
	4.768.488.450	4.173.971.724

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	4.768.488.450	3.847.222.216
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	10.505.986.600	13.116.161.200
Sau năm năm	15.573.537.014	14.001.139.930
	30.848.012.064	30.964.523.346

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

- Hợp đồng thuê mặt bằng bãi Cảng Gò Dầu A tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai số 01-04-08/HĐKT.CĐN ký kết với Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai, diện tích thuê là 9.210 m², thời hạn thuê là 20 năm kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2008.

- Phụ lục số 1, Hợp đồng thuê mặt bằng bãi Cảng Gò Dầu A tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai số 01-04-08/HĐKT.CĐN ký kết với Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai, diện tích thuê là 2.170 m², thời hạn thuê là 16,5 năm kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2012.

- Hợp đồng thuê văn phòng tại Lầu 8, tòa nhà PetroVietnam, 1-5 Lê Duẩn, số 6917C/2013/HĐ DKVN - PV Gas South ký kết với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ngày 30 tháng 9 năm 2013; thời hạn thuê là 5 năm.

Ngoài ra, Công ty còn có các hợp đồng thuê xe được ký kết với Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long với thời hạn từ 3 đến 4 năm.

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 và 23, trừ đi tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	353.905.403.219	371.327.329.745
Trừ: Tiền	77.484.066.264	253.900.756.145
Nợ thuần	276.421.336.955	117.426.573.600
Vốn chủ sở hữu	808.426.160.013	829.252.759.982
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,34	0,14

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 04.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	77.484.066.264	253.900.756.145
Phải thu khách hàng và phải thu khác	488.959.850.371	616.764.736.074
Các khoản ký quỹ, ký cược	24.701.924.218	26.133.200.258
	591.145.840.853	896.798.692.477
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	353.905.403.219	371.327.329.745
Phải trả người bán và phải trả khác	743.417.343.318	1.104.409.391.525
Chi phí phải trả	7.518.823.265	7.646.216.242
Nhận ký quỹ, ký cược	24.794.017.891	25.009.357.627
	1.129.635.587.693	1.508.392.295.139

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo****Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ phải trả	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ ("USD")	1.424.205.550	323.690.262	8.202.914.580	2.643.423.200
Euro ("EUR")	23.160.779	27.772.304	78.000	3.387.716.145

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 03% so với Đô la Mỹ và Euro. Tỷ lệ thay đổi 03% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ và Euro. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ kế toán và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 03% thay đổi của tỷ giá Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ và Euro. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ và Euro so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 03% thì biến động tỷ giá không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng 3.248.346.658 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 3.508.348.052 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền	77.484.066.264	-	77.484.066.264
Phải thu khách hàng và phải thu khác	488.959.850.371	-	488.959.850.371
Các khoản ký quỹ, ký cược	8.799.854.651	15.902.069.567	24.701.924.218
Tổng cộng	575.243.771.286	15.902.069.567	591.145.840.853
31/12/2015			
Các khoản vay	302.679.930.567	51.225.472.652	353.905.403.219
Phải trả người bán và phải trả khác	743.417.343.318	-	743.417.343.318
Chi phí phải trả	7.518.823.265	-	7.518.823.265
Nhận ký quỹ, ký cược	181.317.400	24.612.700.491	24.794.017.891
	1.053.797.414.550	75.838.173.143	1.129.635.587.693
Chênh lệch thanh khoản thuần	(478.553.643.264)	(59.936.103.576)	(538.489.746.840)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014			
Tiền	253.900.756.145	-	253.900.756.145
Phải thu khách hàng và phải thu khác	616.764.736.074	-	616.764.736.074
Các khoản ký quỹ, ký cược	5.632.780.691	20.500.419.567	26.133.200.258
Tổng cộng	876.298.272.910	20.500.419.567	896.798.692.477
31/12/2014			
Các khoản vay	269.442.563.175	101.884.766.570	371.327.329.745
Phải trả người bán và phải trả khác	1.104.409.391.525	-	1.104.409.391.525
Chi phí phải trả	7.646.216.242	-	7.646.216.242
Nhận ký quỹ, ký cược	-	25.009.357.627	25.009.357.627
	1.381.498.170.942	126.894.124.197	1.508.392.295.139
Chênh lệch thanh khoản thuần	(505.199.898.032)	(106.393.704.630)	(611.593.602.662)

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình do hầu hết các khoản phải trả được phát sinh từ các bên liên quan như trình bày trong Thuyết minh số 38. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan của Công ty bao gồm Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (Công ty mẹ) và các công ty khác trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, công ty mẹ của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo**Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	2015 VND	2014 VND
Bán hàng và dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	761.734.393.738	1.087.667.925.594
Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam	497.132.158.026	862.102.065.699
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	393.177.690.943	647.692.283.420
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	166.094.520.225	130.123.987.751
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	87.716.080.931	152.207.124.451
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Đông Việt	65.754.398.848	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	24.325.279.871	55.702.842.205
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	11.978.661.620	-
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	1.514.089.815	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch Vụ Dầu khí Miền Trung	4.529.559.744	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Bắc	2.122.670.324	437.478.277
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	1.247.342.861	349.974.750
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu	-	4.108.598.696
Tổng Công ty Phân bón Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (PVFCCO)	-	676.456.153
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sunlife	-	248.321.037
Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	-	92.163.222
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	-	8.166.610.427
	2.017.326.846.946	2.949.575.831.682
Bán tài sản cố định		
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	-	18.785.041.280
	-	18.785.041.280
Đầu tư vào công ty con		
Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam	-	80.998.600.000
	-	80.998.600.000
Thu nhập từ tiền phạt vi phạm hợp đồng		
Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam	-	1.622.085.696
	-	1.622.085.696
Nhận cổ tức		
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	74.521.315.000	52.164.370.500
	74.521.315.000	52.164.370.500
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	6.750.349.794	7.990.391.435
	6.750.349.794	7.990.391.435

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	2015 VND	2014 VND
Mua hàng và dịch vụ		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	1.667.268.023.110	2.243.625.406.251
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	989.427.041.944	1.541.809.837.318
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	451.064.935.605	741.971.364.143
Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam	49.411.385.144	75.454.800.977
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	9.932.155.123	8.767.165.604
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu	9.795.890.818	-
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sunlife	6.510.109.661	4.036.434.121
Công ty Cổ phần Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	3.744.729.938	26.547.421.611
Công ty TNHH MTV Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Đông	2.879.237.910	7.526.786.673
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (Phí nhãn hiệu)	2.840.502.613	2.888.403.532
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	2.761.535.902	2.277.772.156
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	737.429.081	705.857.730
Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam	684.818.182	294.595.455
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	629.998.861	367.367.660
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	422.987.401	144.392.313
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí Việt Nam	297.000.000	150.000.000
Công ty Bảo hiểm Dầu khí TP.HCM	224.281.825	-
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	200.000.000	32.727.273
Viện Dầu khí Việt Nam	133.363.636	-
Công ty Bảo hiểm PVI Nam Trung Bộ	120.548.101	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL Miền Trung	109.236.364	-
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	77.383.000	164.480.500
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Sài Gòn	8.904.682	-
Tổng công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	-	8.881.448.980
Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí	-	1.928.692.499
Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Dầu Khí	-	294.545.455
Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam - Trung tâm	-	140.818.182
Nghiên cứu và Phát triển Chế biến Dầu khí	-	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam	-	22.395.493
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	-	10.545.686
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	-	10.496.035
	3.199.281.498.901	4.668.053.755.647

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ:

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam, Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Cửu Long và Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông đã lập Biên bản đối chiếu công nợ số 01/KMN-P.TCKT tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và thực hiện bù trừ công nợ giữa ba bên với số tiền là 300.985.991.543 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	144.782.267.925	109.191.492.322
Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam	69.517.112.777	68.304.940.070
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	25.462.054.931	65.709.577.741
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	2.670.251.797	124.598.445.384
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	15.571.483.623	10.648.646.779
CN Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	2.197.944.202	-
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu	2.789.625.787	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	1.447.348.968	3.121.609.359
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Bắc	856.568.633	464.188.663
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	736.544.005	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	212.894.550	-
Chi nhánh Tổng Công ty Vận tải Dầu khí - Công ty Dịch vụ Hàng hải Dầu khí	-	2.800.655
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	-	2.198.774
	266.244.097.198	382.043.899.747
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Cổ tức	22.360.696.278	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	-	185.856.408
Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	-	541.726.434
Công ty cổ phần CNG Việt Nam - Phí thương hiệu	-	2.711.585.145
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	7.074.000.000	-
	29.434.696.278	3.439.167.987
Phải trả người bán		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	448.913.799.367	574.608.828.274
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	141.782.079.717	180.987.195.896
Công ty cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	74.001.409.244	314.662.384.751
Công ty TNHH MTV Khí Hóa Lỏng Việt Nam	2.127.464.024	892.828.158
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	883.128.348	455.220.008
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	296.002.480	1.228.542.180
Công ty Bảo Hiểm Dầu Khí Vũng Tàu	96.957.828	-
Công ty Cổ Phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	23.991.000	-
Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam	19.148.129	-
Công ty Bảo hiểm PVI Nam Trung Bộ	17.016.600	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	13.600.486	13.600.486
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	-	64.791.260
Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí	-	385.738.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	-	134.640.000
	668.174.597.223	1.073.433.769.513

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

(i) Tiền chi mua sắm xây dựng tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 12.234.621.934 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 3.454.852.266 đồng) là số tiền chi cho mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

(ii) Cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm cổ tức bằng tiền chưa thanh toán với số tiền là 0 đồng (năm 2014: 0 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư 200 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Trích từ Bảng cân đối kế toán

TÀI SẢN	Mã số	Số đã báo cáo tại ngày 31/12/2014	Phân loại lại theo Thông tư 200	Số sau phân loại lại tại ngày 31/12/2014
		VND	VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	15.792.989.690	-	15.792.989.690
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6.129.272.276	9.663.717.414	15.792.989.690
3. Các khoản phải thu khác (*)	135	6.399.724.602	(6.399.724.602)	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	-	16.063.442.016	16.063.442.016
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	(270.452.326)	270.452.326	-
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	-	(270.452.326)	(270.452.326)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150	9.663.717.414	(9.663.717.414)	-
4. Tài sản ngắn hạn khác (*)	158	9.663.717.414	(9.663.717.414)	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	94.510.330.028	-	94.510.330.028
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-	-
3. Tài sản dài hạn khác (*)	268	20.500.419.567	(20.500.419.567)	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	-	20.500.419.567	20.500.419.567
II. Tài sản cố định	220	44.510.330.028	(44.510.330.028)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)	230	44.510.330.028	(44.510.330.028)	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	-	44.510.330.028	44.510.330.028
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	44.510.330.028	44.510.330.028
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	50.000.000.000	-	50.000.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác (*)	258	50.000.000.000	(50.000.000.000)	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	50.000.000.000	50.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	110.303.319.718	-	110.303.319.718

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

C. NỢ PHẢI TRẢ	300	1.522.135.021.957	-	1.522.135.021.957
I. Nợ ngắn hạn	310	1.395.240.897.760	-	1.395.240.897.760
1. Vay và nợ ngắn hạn (*)	311	269.442.563.175	(269.442.563.175)	-
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	-	269.442.563.175	269.442.563.175
2. Phải trả người bán (*)	312	1.097.008.743.251	(1.097.008.743.251)	-
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	-	1.097.008.743.251	1.097.008.743.251
3. Người mua trả tiền trước (*)	313	303.290.416	(303.290.416)	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	-	303.290.416	303.290.416
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (*)	314	1.905.044.305	(1.905.044.305)	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	-	1.905.044.305	1.905.044.305
5. Phải trả người lao động (*)	315	14.362.269.320	(14.362.269.320)	-
4. Phải trả người lao động	314	-	14.362.269.320	14.362.269.320
6. Chi phí phải trả (*)	316	7.646.216.242	(7.646.216.242)	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	-	7.646.216.242	7.646.216.242
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	323	4.572.771.051	(4.572.771.051)	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	-	4.572.771.051	4.572.771.051
II. Nợ dài hạn	330	126.894.124.197	-	126.894.124.197
1. Phải trả dài hạn khác (*)	333	25.009.357.627	(25.009.357.627)	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	-	25.009.357.627	25.009.357.627
2. Vay và nợ dài hạn (*)	334	101.884.766.570	(101.884.766.570)	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	-	101.884.766.570	101.884.766.570
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	334.669.027.637	-	334.669.027.637
I. Vốn chủ sở hữu	410	334.669.027.637	-	334.669.027.637
3. Quỹ đầu tư phát triển (*)	417	298.198.771.534	(298.198.771.534)	-
4. Quỹ dự phòng tài chính (*)	418	36.470.256.103	(36.470.256.103)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	-	334.669.027.637	334.669.027.637
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	1.856.804.049.594	-	1.856.804.049.594

(*) Những khoản mục này đã được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo mã số khác với mã số trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.


Trích từ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh


		Số đã báo cáo năm 2014	Phân loại lại theo Thông tư 200	Số sau phân loại năm 2014
		VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.560.591.727.340	3.417.824.337	5.564.009.551.677
11. Thu nhập khác (**)	31	27.711.929.434	(22.539.704.496)	5.172.224.938
4. Giá vốn hàng bán	11	4.807.497.102.592	2.859.250.424	4.810.356.353.016
12. Chi phí khác	32	27.590.945.496	(21.981.130.583)	5.609.814.913


(**) Đây là doanh thu và giá vốn từ bán phế liệu được trình bày trong khoản mục Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo Thông tư 200.

41. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 07 tháng 3 năm 2016.


Nguyễn Ngọc Dân
Người lập biểu


Ngô An Hòa
Kế toán trưởng


Vũ Quý Hiệu
Giám đốc
Ngày 07 tháng 3 năm 2016